

Bản án số: 48/2017/DS-ST
Ngày 22-9-2017
V/v: Tranh chấp dân sự về Hợp
đồng vay tài sản và hợp đồng
góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Thạch;
2. Ông Nguyễn Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vĩnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2017/TLST-DS, ngày 25 tháng 4 năm 2017 về “Tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2017/QĐXX-ST, ngày 14 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1980; cư trú tại: Tổ 1, ấp A, xã H, huyện T, tỉnh N; có mặt.

Bị đơn: Bà Lưu Thị H, sinh năm 1979; cư trú tại: Tổ 6, ấp Q, xã Đ, huyện T, tỉnh N; tạm trú tại: Tổ 7, khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh N.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1976; cư trú tại: Số 49, đường P, khu phố 3, phường 1, thành phố T, tỉnh N là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 13-6-2017); có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Minh K, sinh năm 1973; cư trú tại: Tổ 6, ấp Q, xã Đ, huyện T, tỉnh N; tạm trú tại: Tổ 7, khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh N; ông K có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19-4-2017 và lời khai tại Tòa án của nguyên đơn, bà Trần Thị M trình bày: Do có mối quan hệ bạn bè quen biết với bà Lưu Thị H và ông Đỗ Minh K, nên bà có cho vợ, chồng bà H vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau: Lần thứ nhất, ngày 26-10-2016 vay số tiền 90.000.000 đồng hẹn 03 ngày sau trả lại; lần thứ hai, ngày 25-01-2017 vay số tiền 60.000.000 đồng hẹn 10 ngày sau trả lại, tổng cộng vay số tiền 150.000.000 đồng. Khi vay bà H có viết giấy và ký tên nhận nợ, nhưng đến hạn bà H, ông K không trả cho bà số tiền nào như thỏa thuận.

Ngoài ra bà H còn tham gia góp hụi do bà làm chủ, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Mở ngày 10-5-2016 âm lịch, khai 2.000.000 đồng/ tháng/ phần, có 15 phần, bà H tham gia 02 phần, hụi mãn vào tháng 7- 2017 âm lịch (năm 2017 âm lịch nhuận hai tháng 6). Tại kỳ khai hụi ngày 10-5-2016 âm lịch, bà H kêu và lĩnh được phần hụi thứ nhất, đến kỳ thứ hai bà H kêu và lĩnh được phần hụi còn lại, số tiền hụi mỗi kỳ bà H lĩnh được bao nhiêu bà không nhớ, nhưng sau khi lĩnh hai phần hụi bà H đóng hụi chết được 08 kỳ thì ngưng, còn nợ lại 06 kỳ, thành tiền 24.000.000 đồng (4.000.000 đồng X 06 kỳ), số tiền này bà đã đóng choàng cho bà H cho các hụi viên khác lĩnh hụi.

Dây hụi thứ hai: Mở ngày 20-9-2016 âm lịch, khai 10.000.000 đồng/ tháng/ phần, có 26 phần, bà H tham gia 01 phần, hụi mãn vào tháng 9-2018 âm lịch. Tại kỳ khai hụi ngày 20-9-2016 âm lịch, bà H kêu và lĩnh được phần hụi này, sau khi lĩnh hụi bà H đóng được 02 kỳ hụi chết thì ngưng, còn nợ lại 23 kỳ, thành tiền 230.000.000 đồng (10.000.000 đồng X 23 kỳ), số tiền này bà đã đóng choàng cho bà H đến nay.

Bà H, ông K nợ bà tiền vay 150.000.000 đồng và tiền hụi 254.000.000 đồng. Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H, ông K có trách nhiệm trả cho bà số tiền tổng cộng 404.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Lời khai của ông Nguyễn Văn S: Ông S thừa nhận bà H có nợ bà M số tiền 150.000.000 đồng theo hai giấy nợ bà M đã cung cấp cho Tòa án, nhưng trong giấy nợ không thỏa thuận thời gian trả, do đó nếu bà M yêu cầu bà H trả số tiền vay phải thông báo trước cho bà H một thời gian nhất định. Do bà M làm đơn khởi kiện mà không thông báo trước cho bà H, ông K nên bà H chưa chuẩn bị được số tiền trên trả cho bà M.

Đối với tiền nợ hụi, bà H thừa nhận có tham gia các phần hụi, trong hai dây hụi và đã lĩnh hụi như bà M trình bày, sau khi lĩnh hụi bà H đóng hụi chết hàng tháng đầy đủ cho đến nay và hiện hai dây hụi vẫn đang còn hoạt động, nên bà H, ông K đồng ý đóng hụi chết theo kỳ cho đến khi mãn hụi. Không đồng ý trả một lần theo yêu cầu của bà M.

Lời khai của ông Đỗ Minh K: Ông là chồng của bà H. Giữa vợ ông và bà M là bạn bè, nên khi vợ ông vay tiền của bà M không thông báo cho ông biết và bản thân ông cũng không biết việc vay mượn này, mục đích vợ ông vay tiền theo ông là để mua sắm và đóng tiền hui.

Khi tham gia góp hui cũng như vay tiền chỉ một mình vợ ông thực hiện, nhưng sau khi được xem các giấy biên nhận vay tiền và giấy lĩnh hui là chữ ký của vợ ông, do đó nếu bà H đồng ý trả số tiền nào cho bà M thì ông cũng đồng ý cùng bà H trả số tiền nợ đó.

Tại phiên tòa bà M thừa nhận dây hui 2.000.000 đồng mở ngày 10-6-2016 âm lịch, không phải ngày 10-5-2016 âm lịch; khi khởi kiện đến Tòa án bà có gửi cho bà H một bản chính đơn khởi kiện, mà tại phiên tòa ông S đã cung cấp cho Hội đồng xét xử; bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà H, ông K trả cho bà số tiền vay 150.000.000 đồng, tiền nợ hui 254.000.000 đồng, trong đó tiền nợ dây hui khai 2.000.000 đồng là 06 kỳ, bằng 24.000.000 đồng, dây hui khai 10.000.000 đồng, nợ 23 kỳ, bằng 230.000.000 đồng. Tổng cộng nợ 404.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Ông S đại diện cho bà H đồng ý trả cho bà M tiền vay 150.000.000 đồng; 24.000.000 đồng tiền nợ hui của dây hui khai 2.000.000 đồng mở ngày 10-6-2016 âm lịch. Đối với dây hui khai 10.000.000 đồng, mở ngày 20-9-2016 âm lịch, bà H đã lĩnh phần hui này và đã đóng được 05 kỳ hui chết, tính đến tháng 9-2017 bà M đã đóng choàng cho bà H được 06 kỳ hui chết, bà H đồng ý trả cho bà M số tiền này; đối với các kỳ hui còn lại bà H đồng ý đóng hui cho bà M từng kỳ, không đồng ý trả một lần.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và Nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, việc bà M yêu cầu bà H, ông K trả cho bà số tiền vay 150.000.000 đồng và tiền nợ hui 254.000.000 đồng, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà M, vì dây hui mở ngày 20-9-2016 âm lịch, khai 10.000.000 đồng, sau khi lĩnh hui bà H đóng hui chết được 05 kỳ, tính đến tháng 9-2017 bà M đóng choàng hui chết được 06 kỳ, dây hui này mãn vào tháng 10-2018, nhưng M yêu cầu bà H trả luôn số tiền nợ hui này khi chưa đến kỳ đóng hui là không có cơ sở chấp nhận. Đối với số tiền nợ hui 24.000.000 đồng của dây hui mở ngày 10-6-2016 âm lịch, ông S đồng ý trả cho bà M, nên ghi nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà M đối với bà H, ông K số tiền 234.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bà H, ông K là bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt, nhưng đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục đảm bảo cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 26-10-2016 âm lịch, bà H viết giấy vay của bà M số tiền 90.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không hẹn thời gian trả; tiếp đến ngày 25-01-2017 bà H ký giấy vay của bà M số tiền 60.000.000 đồng, cũng không hẹn thời gian trả nợ, tổng cộng số tiền bà H vay của bà M là 150.000.000 đồng. Việc người đại diện hợp pháp của bà H trình bày, do khi vay tiền không thỏa thuận thời gian trả nợ, nên bà M phải có nghĩa vụ thông báo trước cho bà H khi đòi lại số tiền cho vay thấy rằng, trước khi bà M làm đơn khởi kiện bà H, ông K đến Tòa án, bà M đến gặp bà H nhiều lần để đòi lại số tiền trên, nhưng bà H, ông K không trả nên bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Hơn nữa vụ kiện tranh chấp trên được Tòa án thụ lý từ ngày 25-4-2017, bà H, ông K đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, nhưng từ đó đến nay cũng không trả cho bà M được số tiền nào, do bà H, ông K không trả tiền vay nên bà M khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó chấp nhận yêu cầu của bà M yêu cầu bà H, ông K trả số tiền vay 150.000.000 đồng. Ghi nhận bà M không yêu cầu tính tiền lãi.

[3] Ngoài số tiền bà H, ông K vay của bà M, thì bà H còn tham góp hụi do bà M làm chủ. Danh sách hụi viên tham gia góp hụi và đóng hụi do bà M cung cấp thì đây hụi khui 2.000.000 đồng mở ngày 10-6-2016 âm lịch, nhằm ngày 13-7-2016 dương lịch, có 15 phần, không phải mở ngày 10-5-2016 âm lịch như bà M trình bày. Trong đây hụi này bà H tham gia 02 phần và đều đã lĩnh hụi, tại giấy nhận tiền hụi do bà H viết khi lĩnh hụi thể hiện, bà H lĩnh phần hụi thứ nhất tại kỳ khui thứ hai và đến kỳ thứ tư bà H lĩnh phần hụi thứ hai, không lĩnh hụi kỳ thứ nhất và kỳ thứ hai như lời khai của bà M. Theo danh sách hụi viên đóng tiền hụi do bà M theo dõi cung cấp cho Tòa án không thể hiện bà H lĩnh hai phần hụi tại kỳ thứ mấy, nhưng thể hiện hụi bà H đóng hụi đến khi đây hụi mãn được 14 kỳ, nhưng tại phiên tòa hôm nay (ngày 22-9) ông S thừa nhận 02 phần hụi này bà H còn nợ lại bà M 06 kỳ hụi chết, thành tiền 24.000.000 đồng, nên ghi nhận.

[4] Ngày 20-9-2016 âm lịch, nhằm ngày 20-10-2016 dương lịch, bà H tiếp tục tham gia góp 01 phần hụi trong đây hụi có 26 phần, hụi khui 10.000.000 đồng do bà M làm chủ. Theo danh sách hụi viên đóng tiền hụi do bà M theo dõi cung cấp không thể hiện bà H lĩnh phần hụi tại kỳ thứ mấy, nhưng theo bà M khai bà H đã lĩnh ở kỳ thứ nhất là có cơ sở, phù hợp với giấy bà H ký nhận tiền hụi. Việc bà M khai sau khi lĩnh hụi bà H đóng được 02 kỳ hụi chết là không đúng, vì tại đơn khởi kiện ngày 19-4-2017 mà bà M gửi cho bà H xác định bà H đã đóng hụi cho bà M được 05 kỳ và còn nợ lại 21 kỳ. Xác định bà H còn nợ lại 21 kỳ hụi chết, thì sau khi lĩnh hụi bà H chỉ đóng được 04 kỳ, không phải đóng 05 kỳ, vì nếu bà H đóng 05 kỳ hụi chết,

cộng với 21 kỳ chưa đóng, như vậy đây hội này phải đến 27 phần, nên bà M khai bà H đóng được 05 kỳ là tính luôn kỳ bà H lĩnh hội. Do đó, từ tháng 3 đến tháng 9-2017 bà M phải đóng choàng cho bà H được 07 kỳ, thành tiền 70.000.000 đồng, và tính đến khi mãn hội tháng 11-2018 bà H, ông K còn nợ lại bà M 14 kỳ hội chết, thành tiền 140.000.000 đồng. Theo kết quả xác minh đây hội đến nay vẫn đang hoạt động, do bà H, ông K vi phạm thỏa thuận khi tham gia góp hội với bà M nên bà H, ông K có nghĩa vụ trả cho bà M tiền nợ hội bà M đã đóng choàng và đến khi mãn hội tháng 11-2018 là 21 kỳ, thành tiền 210.000.000 đồng.

[5] Xét thấy diễn biến tại phiên tòa, ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị đơn, cũng như ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà M yêu cầu bà H trả các kỳ hội chưa mãn thấy rằng, do bà H, ông K vi phạm thỏa thuận đóng hội chết sau khi lĩnh hội đối với 02 phần hội mở ngày 10-6-2016 âm lịch, nhằm ngày 13-7-2016 dương lịch; phần hội mở ngày 20-9-2016 âm lịch, nhằm ngày 20-10-2016 dương lịch, nên bà H, ông K có nghĩa vụ trả lại tiền hội chết cho bà M đã đóng choàng 94.000.000 đồng và 14 kỳ hội chết đến khi mãn của phần hội 10.000.000 đồng, thành tiền 140.000.000 đồng. Tổng cộng buộc bà H, ông K trả tiền nợ hội cho bà M 234.000.000 đồng.

[6] Từ nhận định trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà M. Buộc bà H, ông K có trách nhiệm trả cho bà M tiền nợ vay 150.000.000 đồng, tiền nợ hội 234.000.000 đồng, tổng cộng 384.000.000 đồng. Ghi nhận bà M không yêu cầu bà H, ông K trả tiền lãi.

[7] Không chấp nhận yêu cầu của bà M yêu cầu bà H, ông K trả số tiền nợ hội 20.000.000 đồng.

[8] Tiền tạm ứng án phí, tiền án phí dân sự sơ thẩm được xử lý theo quy định tại Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 4, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 471, 474, 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M về “Tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội”.

Buộc bà Lưu Thị H và ông Đỗ Minh K có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị M số tiền vay 150.000.000 đồng, tiền nợ hội 234.000.000 đồng, tổng cộng 384.000.000 đồng (ba trăm tám mươi bốn triệu đồng). Ghi nhận bà M không yêu cầu bà H, ông K trả tiền lãi.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị M yêu cầu bà Lưu Thị H và ông Đỗ Minh K trả số tiền nợ hui 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H, ông K chưa thi hành xong số tiền trên, thì bà H, ông K còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lưu Thị H và ông Đỗ Minh K phải chịu 19.200.000 đồng (mười chín triệu, hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 10.080.000 đồng (mười triệu, không trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0024183, ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà M được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 9.080.000 đồng (chín triệu, không trăm tám mươi ngàn đồng).

3. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV, TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Cá đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Vũ